

<p>Court: <input type="checkbox"/>Municipal <input type="checkbox"/>County <input type="checkbox"/>District <input type="checkbox"/>Juvenile <input type="checkbox"/>Probate Tòa án: <input type="checkbox"/>Thành phố <input type="checkbox"/>Quận <input type="checkbox"/>Khu vực <input type="checkbox"/>Trẻ vị thành niên <input type="checkbox"/>Chung thực _____ County, Colorado _____ Quận, Colorado</p> <p>Court Address: Địa chỉ Tòa án: _____</p> <hr/> <p>Petitioner: _____ Nguyên đơn: Date of Birth: _____ Ngày Sinh: _____</p> <p>v. v.</p> <p>Respondent: _____ Bị đơn: Date of Birth: _____ Ngày Sinh: _____</p>	<p>▲ COURT USE ONLY ▲ CHỈ DÀNH CHO TÒA ÁN SỬ DỤNG</p>
<p>Filer Information Thông tin Người nộp Hồ sơ: Name: _____ Tên: Address*: _____ Địa chỉ*: Phone Number*: _____ FAX Number: _____ Số điện thoại*: _____ Số FAX: _____ E-mail: _____ Atty. Reg. #: _____ E-mail: _____ Số Đăng ký Luật sư: _____</p> <p>*Note Leave blank and see section 6 to keep your address and phone private. This means it will be left off the Court's orders and register of action. *Lưu ý Để trống và xem phần 6 để giữ bảo mật địa chỉ và điện thoại của quý vị. Điều này có nghĩa là nó sẽ không nằm trong lệnh và đăng ký hành động của Tòa án.</p>	<p>Case Number: Số Hồ sơ: _____</p> <p>Division: Bộ phận: _____</p> <p>Courtroom: Phòng xét xử: _____</p>
<p>Verified <input type="checkbox"/> Complaint <input type="checkbox"/> Motion <input type="checkbox"/> for Civil Protection Order Xác minh <input type="checkbox"/> Khiếu nại <input type="checkbox"/> Kiến nghị cho Lệnh Bảo vệ Dân quyền</p>	

I, _____ (name of person) request this Court to issue a Civil Protection Order, and in support of this request state the following:

Tôi, _____ (tên) yêu cầu Tòa án này ban hành Lệnh Bảo vệ Dân sự, và để hỗ trợ cho yêu cầu này nêu rõ những điều sau:

1. I am seeking this Civil Protection Order as a victim of the following: (Mark the applicable circumstances.)
Tôi đang tìm kiếm Lệnh Bảo vệ Dân sự này với tư cách là nạn nhân của những hành vi sau đây: (Đánh dấu các trường hợp áp dụng.)

- Domestic Abuse (§13-14-101(2), C.R.S.)
Lạm dụng Gia đình (§13-14-101(2), C.R.S.)
- Stalking (§18-3-602, C.R.S.)
Đeo bám (§18-3-602, C.R.S.)
- Sexual Assault (§18-3-402(1), C.R.S.)
Tấn công Tình dục (§18-3-402(1), C.R.S.)
- Unlawful Sexual Contact (§18-3-404, C.R.S.)
Quan hệ Tình dục Bất hợp pháp (§18-3-404, C.R.S.)
- Abuse of the Elderly or an At-Risk Adult (§26-3.1-101(1) and (7), C.R.S.)
Ngược đãi Người cao tuổi hoặc Người lớn Có nguy cơ (§26-3.1-101(1) và (7), C.R.S.)
- Physical Assault, Threat or other situation.
Tấn công Thân thể, Đe dọa hoặc tình huống khác.

2. I reside or am employed in the County of _____, State of _____, and _____ (name of person) resides or is employed in the County of _____, State of _____. I know _____ (name of person) because: _____

Tôi cư trú hoặc làm việc tại Quận _____, Tiểu bang _____, và _____ (tên) cư trú hoặc làm việc tại Quận _____, Tiểu bang _____. Tôi biết _____ (tên) vì: _____

3. The other Protected Persons are (list full name, date of birth, sex, and race):
 Những Người được Bảo vệ khác là (liệt kê họ tên, ngày sinh, giới tính và chủng tộc):

Full Name of Protected Person Họ tên của Người Được bảo vệ	Date of Birth Ngày sinh	Sex Giới tính	Race Chủng tộc	Full Name of Protected Person Họ tên của Người Được bảo vệ	Date of Birth Ngày sinh	Sex Giới tính	Race Chủng tộc

I have completed and attached the form titled "Affidavit Regarding Children" JDF 404 as children are identified as Protected Persons above.

Tôi đã hoàn thành và đính kèm biểu mẫu có tiêu đề "Bản khai Có tuyên thệ về Trẻ em" JDF 404 vì trẻ em được xác định là Người Được bảo vệ ở trên.

4. a) The most recent incident that causes me to ask for a Civil Protection Order occurred on or about _____ (date), at about _____ (time), in _____ (County), when _____ (name of person) did the following to me and/or the above named Protected Persons: **Be specific:** What was the threat or acts of violence? Where did this occur? Were the minor children or other Protected Persons present? Was a weapon involved?

Vụ việc gần đây nhất khiến tôi yêu cầu Lệnh Bảo vệ Dân sự xảy ra vào hoặc khoảng _____ (ngày), vào khoảng _____ (thời gian), tại _____ (Quận), khi _____ (tên) đã làm những điều sau đây với tôi và/ hoặc những Người Được bảo vệ có tên ở trên: **Hãy nêu cụ thể:** Mối đe dọa hoặc hành vi bạo lực là gì? Điều này đã xảy ra ở đâu? Trẻ vị thành niên hoặc những Người được Bảo vệ khác có mặt không? Có vũ khí nào liên quan không?

b) The most serious incident that causes me to ask for a Civil Protection Order occurred on or about _____ (date), at about _____ (time), in _____ (County), when _____ (name of person) did the following to me and/or the above named Protected Persons: **Be specific: What was the threat or acts of violence? Where did this occur? Were the minor children or other Protected Persons present? Was a weapon involved?**

b) Vụ việc nghiêm trọng nhất khiến tôi phải yêu cầu Lệnh Bảo vệ Dân sự xảy ra vào hoặc khoảng _____ (ngày), vào khoảng _____ (thời gian), tại _____ (Quận), khi _____ (tên) đã làm những điều sau đây với tôi và/hoặc những Người Được bảo vệ có tên ở trên: **Hãy nêu cụ thể:** Mối đe dọa hoặc hành vi bạo lực là gì? Điều này đã xảy ra ở đâu? Trẻ vị thành niên hoặc những Người được Bảo vệ khác có mặt không? Có vũ khí nào liên quan không?

c) Any other past incidents of violence or threats? **Be specific: What was the threat or acts of violence? Where did this occur? Were the minor children or other Protected Persons present? Was a weapon involved?**

c) Bất kỳ vụ việc bạo lực hoặc đe dọa nào khác trong quá khứ? **Hãy nêu cụ thể:** Mối đe dọa hoặc hành vi bạo lực là gì? Điều này đã xảy ra ở đâu? Trẻ vị thành niên hoặc những Người được Bảo vệ khác có mặt không? Có vũ khí nào liên quan không?

d) Are you aware of any other Protection Orders currently in effect against you or the other person?

d) Quý vị có biết bất kỳ Lệnh Bảo vệ nào khác hiện đang có hiệu lực đối với quý vị hoặc người khác không?

Yes No If Yes, list any relevant information, such as the issuing Court, State, and date of the order:

Có Không Nếu Có, hãy liệt kê bất kỳ thông tin liên quan nào, chẳng hạn như Tòa án ban hành, Tiểu bang và ngày ban hành lệnh:

5. I believe that I and/or the other Protected Persons named in this action are in imminent danger from

_____ (name of person):

Tôi tin rằng tôi và/hoặc những Người Được bảo vệ khác có tên trong vụ kiện này sắp gặp nguy hiểm từ _____ (tên):

Harm to my/our life or health if he/she is not restrained as requested.

Gây tổn hại đến tính mạng hoặc sức khỏe của tôi/chúng tôi nếu người đó không bị khống chế theo yêu cầu.

Physical or emotional harm to my/our emotional health or welfare if he/she is not excluded from the family home or the home of another.

Tổn hại về thân thể hoặc tinh thần đối với sức khỏe hoặc phúc lợi tinh thần của tôi/chúng tôi nếu người đó không bị loại khỏi gia đình hoặc ngôi nhà của người khác.

6. I request permission to omit my address and phone number from this document, because I fear providing them will endanger me and/or the other Protected Persons.
Tôi yêu cầu được phép bỏ qua địa chỉ và số điện thoại của tôi trong tài liệu này vì tôi sợ việc cung cấp chúng sẽ gây nguy hiểm cho tôi và/hoặc những Người Được bảo vệ khác.

7. I request the following relief from the Court that _____ (name of person):
Tôi yêu cầu Tòa án trợ giúp sau đây rằng (tên):

a) Be ordered to refrain from contacting, harassing, injuring, stalking, touching, sexually assaulting, molesting, intimidating, and threatening me or other protected persons.
Được lệnh không được tiếp xúc, quấy rối, gây thương tích, đeo bám, đụng chạm, tấn công tình dục, quấy rối, đe dọa và đe dọa tôi hoặc những người được bảo vệ khác.

b) Be ordered to have **no contact** at all with me or the other Protected Persons.
Được lệnh tuyệt đối không được liên lạc với tôi hoặc những Người được Bảo vệ khác.

Or
Hoặc

Be allowed only the following limited contact with me or the other Protected Persons: **Be specific.**
*Chỉ được phép tiếp xúc hạn chế sau đây với tôi hoặc những Người Được bảo vệ khác: **Hãy nêu cụ thể.***

c) Be excluded from my home at (address): **If you checked section 6, do not provide your address.**
Bị loại khỏi nhà của tôi tại (địa chỉ): Nếu quý vị đã chọn phần 6, không cung cấp địa chỉ của quý vị.

d) Be ordered to stay at least _____ yards from the following places. (Address or description.)
Được lệnh ở cách những nơi sau đây ít nhất _____ yard. (Địa chỉ hoặc mô tả.)

Note If you checked section 6 above, **do not** provide your address.

Lưu ý Nếu quý vị đã chọn phần 6 ở trên, không cung cấp địa chỉ của quý vị.

Home: _____
Nhà:

Work: Name: _____ Address: _____
Nơi làm việc: Tên: _____ Địa chỉ:

School: Name: _____ Address: _____
Trường học: Tên: _____ Địa chỉ:

Other: _____
Khác:

e) Be ordered to have **no contact** with the minor children and that I be awarded temporary care and control and Interim Decision-Making Responsibilities for the children.
Được lệnh không được tiếp xúc với trẻ vị thành niên và tôi được giao quyền chăm sóc và trông nom tạm thời cũng như Trách nhiệm Ra quyết định Tạm thời cho trẻ.

Or
Hoặc

Be awarded temporary care and control of the children and that the other person be given Parenting Time with the children and Interim Decision-Making Responsibilities as follows: **Be specific.**
*Được giao quyền chăm sóc và trông nom tạm thời và người kia được dành Thời gian Nuôi dạy Con và các Trách nhiệm Ra Quyết định Tạm thời như sau: **Hãy nêu cụ thể.***

f) Be ordered to refrain from molesting, injuring, taking, transferring, encumbering, concealing, or disposing of or threatening harm to an animal owned, possessed, leased, kept or held by me or my minor child(ren), or other protected persons. Arrangements for possession and care are as follows:

Được lệnh không được lạm dụng tình dục, gây thương tích, lấy, chuyển giao, chất đống, che giấu, hoặc vứt bỏ hoặc đe dọa gây hại cho động vật do tôi hoặc (các) con chưa thành niên của tôi hoặc những người được bảo vệ khác sở hữu, cho thuê, giữ. Các sắp xếp để sở hữu và chăm sóc như sau:

g) Be ordered, if this is a domestic abuse protection order, to not possess and/or purchase a firearm, ammunition, or other weapon AND to relinquish any firearm or ammunition within the time ordered by the Court.

Được lệnh, nếu đây là lệnh bảo vệ khỏi bạo hành gia đình, không được sở hữu và/hoặc mua súng, đạn dược hoặc vũ khí khác VÀ từ bỏ bất kỳ súng hoặc đạn dược nào trong thời gian theo lệnh của Tòa án.

h) Be ordered to refrain from interfering with me or other protected persons at our place of employment or place of education and from engaging in conduct that impairs my or other protected person's employment, educational relationships, or environment.

Được lệnh không được can thiệp vào tôi hoặc những người được bảo vệ khác tại nơi làm việc hoặc nơi học tập của chúng tôi và không được tham gia vào hành vi gây phương hại đến việc làm, các mối quan hệ giáo dục hoặc môi trường của tôi hoặc người được bảo vệ khác.

i) Other:

Khác: _____

Verification Xác nhận

I declare under penalty of perjury under the law of Colorado that the foregoing is true and correct.

Tôi tuyên bố và xin chịu hình phạt về tội khai man theo luật Colorado rằng những điều cung cấp trên đây là sự thật và chính xác.

I understand that once a Civil Protection Order is issued it cannot be modified or dismissed by me or the other person without permission of the Court.

Tôi hiểu rằng một khi Lệnh Bảo vệ Dân sự được ban hành, tôi hoặc người khác không thể sửa đổi hoặc bác bỏ lệnh đó nếu không có sự cho phép của Tòa án.

Executed on the _____ day of _____, _____, at _____
(date) (month) (year) (city or other location, and state OR country)

*Thực hiện vào _____ ngày _____, _____, tại _____
(ngày) (tháng) (năm) (thành phố hoặc địa điểm khác và tiểu bang HOẶC quốc gia)*

(Printed name of Petitioner Respondent)

(Tên Viết in hoa của Đồng Nguyên đơn Bị đơn)

Signature of Petitioner Respondent

Chữ ký của Đồng Nguyên đơn Bị đơn

Attorney, if applicable

Luật sư, nếu có

Stop: If you checked box number 6, do not fill in your address and telephone number.
Dừng lại: Nếu quý vị đánh dấu vào ô số 6, đừng điền địa chỉ và số điện thoại của quý vị.

Mailing Address _____

Địa chỉ nhận Thư: _____

Alternate Mailing Address _____

Địa chỉ Nhận thư Thay thế _____

Phone Number _____

Số Điện thoại: _____

Be sure to notify the Court with any address changes for the life of the restraining order.
Hãy nhớ thông báo cho Tòa án nếu có bất kỳ thay đổi địa chỉ nào trong thời gian có hiệu lực của lệnh cấm.

Notice: Colorado Revised Statutes §13-14-105 identifies that a temporary injunction may be issued by the Court and that upon personal service or upon waiver and acceptance of service by the Restrained Person, is to be in effect against the Restrained Person for a period determined to be appropriate by the Court. This injunction restrains the Restrained Person from:

Lưu ý: Các Đạo luật Sửa đổi của Colorado §13-14-105 xác định rằng một lệnh cấm tạm thời có thể được ban hành bởi Tòa án và khi tổng đạt cho cá nhân hoặc khi Người bị Cấm tổng đạt và chấp nhận tổng đạt, sẽ có hiệu lực đối với Người bị Cấm trong một khoảng thời gian xác định cho phù hợp với Tòa án. Lệnh cấm này hạn chế Người Bị Cấm:

1. Ceasing to make payments for mortgage or rent, insurance, utilities or related services, transportation, medical care, or childcare when the Restrained Person has a prior existing duty or legal obligation for making such payments.

Ngừng thanh toán thế chấp hoặc tiền thuê nhà, bảo hiểm, điện nước hoặc các dịch vụ liên quan, phương tiện đi lại, chăm sóc y tế hoặc chăm sóc trẻ em khi Người Bị Cấm có nghĩa vụ hoặc nghĩa vụ pháp lý hiện có trước đó để thực hiện các khoản thanh toán đó.

2. Transferring, encumbering, concealing, or in any way disposing of personal effects or real property, except in the usual course of business or for the necessities of life.

Chuyển nhượng, chất đống, cất giấu hoặc bằng bất kỳ cách nào xử lý tài sản cá nhân hoặc tài sản thực, ngoại trừ trong quá trình kinh doanh thông thường hoặc cho nhu cầu thiết yếu của cuộc sống.

The Restrained Person shall be required to account to the Court for all extraordinary expenditures made after the injunction is in effect.

Người Bị Cấm sẽ phải giải trình trước Tòa về tất cả các chi phí bất thường được thực hiện sau khi lệnh cấm có hiệu lực.

Any injunction issued shall not exceed one year after the issuance of the Permanent Civil Protection Order.

Bất kỳ lệnh cấm nào được ban hành sẽ không quá một năm sau khi ban hành Lệnh Bảo vệ Dân sự Thường trực.